

YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Về việc cung ứng dịch vụ bảo vệ tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm TP. Cần Thơ năm 2026)

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ (viết tắt: Trung tâm) có nhu cầu tiếp nhận báo giá để lập dự toán cho gói thầu cung ứng dịch vụ bảo vệ tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm TP. Cần Thơ năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin nhận báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ.

- Địa chỉ: số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ.

- Số điện thoại: 02923 831030

- Email: ttkiemnghiemct@gmail.com

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Việc tiếp nhận báo giá qua 1 trong 2 cách thức sau:

2.1. Nhận qua email: ttkiemnghiemct@gmail.com với tiêu đề [số văn bản yêu cầu báo giá]

+ File mềm: file báo giá (theo mẫu báo giá).

+ Bản scan báo giá (theo mẫu báo giá, có chữ ký và đóng dấu).

2.2. Đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp:

+ File mềm: file báo giá (theo mẫu báo giá) gửi qua địa chỉ email:

ttkiemnghiemct@gmail.com

+ Bản giấy báo giá (theo mẫu báo giá, có chữ ký và đóng dấu)

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 22/8/2025... đến hết 16 giờ... ngày 03/9/2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Kể từ ngày báo giá đến hết ngày 31/12/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục: Theo phụ lục 1 (đính kèm).

2. Địa điểm thực hiện: tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ, số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ.

3. Các thông tin bắt buộc:

- Các báo giá cần có đầy đủ thông tin: Tên nhà cung cấp, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại liên hệ, có chữ ký của người đại diện hợp pháp, đóng dấu của nhà cung cấp.

- Giá chào là đồng Việt Nam, giá đã trừ chiết khấu, đã bao gồm các loại thuế và các chi phí liên quan (nếu có).

- Hồ sơ gửi kèm theo báo giá:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/kinh doanh, Hồ sơ giới thiệu năng lực của Công ty, Giấy chứng nhận an ninh quốc phòng, các loại giấy tờ khác có liên quan (nếu có),... được đóng dấu rõ ràng.

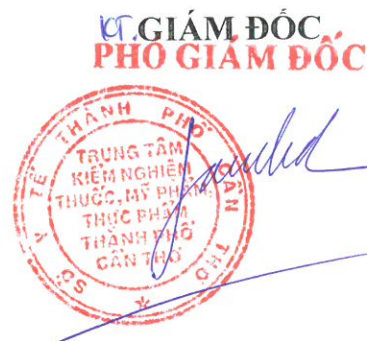
Các nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu tại phụ lục 2 (đính kèm). Trường hợp nhà cung cấp không sử dụng đúng biểu mẫu báo giá của Trung tâm nhưng nội dung cung cấp đầy đủ, rõ ràng và đảm bảo các thông tin cần thiết theo yêu cầu thì vẫn được chấp nhận.

4. Báo giá phải gửi đúng và đầy đủ các nội dung yêu cầu báo giá tại khoản 1,2,3 Phần II.

Trân trọng././.

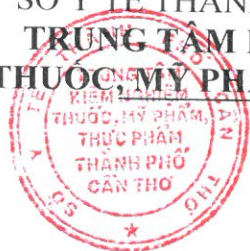
Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc, các phòng;
- Phòng HCQT-TCCB (Đăng trang web);
- Lưu VT.



Lâm Hoàng Dũng

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM



Phụ lục 1

DANH MỤC DỊCH VỤ BẢO VỆ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 10/L /TB-TTKN ngày 12 tháng 8 năm 2025
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ)

STT	Nội dung thực hiện
1	- Yêu cầu về nhân viên: Số lượng: tối thiểu 02 nhân viên bảo vệ chuyên nghiệp có kinh nghiệm, luân phiên trực 24/24 tại Trung tâm. - Yêu cầu cung ứng dịch vụ: + Trực bảo vệ 24/24 tại Trung tâm. + Đảm bảo an ninh trật tự cho trụ sở Trung tâm. + Đảm bảo an toàn cháy nổ, PCCC tại Trung tâm. + Đảm bảo an toàn tài sản của Trung tâm, viên chức, người lao động và khách đến liên hệ công tác. + Kiểm soát về con người cũng như phương tiện ra vào Trung tâm. + Hướng dẫn khách đến liên hệ công tác, sắp xếp xe của viên chức, người lao động và khách hàng. + Thực hiện chăm sóc cây cảnh trong khuôn viên Trung tâm.
2	Địa điểm thực hiện: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ tại số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, thành phố Cần Thơ.
3	Thời gian thực hiện: 01 năm (bắt đầu từ ngày 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)

Handwritten signature in blue ink.



ĐANH MỤC TÀI SẢN ĐƠN VỊ - THIẾT BỊ VĂN PHÒNG

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 102 /TB-TTKN ngày 02 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ)

	NỘI DUNG	Đvt	Số lượng
I	MÁY VI TÍNH		
1	Máy tính để bàn HP 280 G1 MT (Bao gồm: CPU, màn hình LED LCD)		25
	Phòng HCQT - TCCB	Bộ	4
	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Bộ	5
	Phòng Hóa Mỹ phẩm	Bộ	7
	Phòng Vật lý Đo lường	Bộ	6
	Phòng Dược lý Vi sinh	Bộ	3
2	Máy tính để bàn Dell (Bao gồm: CPU, màn hình)		4
	Phòng Vật lý Đo lường	Bộ	2
	Phòng Dược lý Vi sinh	Bộ	2
3	Máy tính để bàn Samsung (Bao gồm: CPU, màn hình)		3
	Phòng Dược lý Vi sinh	Bộ	1
	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Bộ	2
4	Máy tính để bàn LG (Bao gồm: CPU, màn hình)		1
	Phòng Dược lý Vi sinh	Bộ	1
II	MÁY IN		
1	Máy in Brother HL-L2321D		21
	Phòng HCQT - TCCB	Cái	3
	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Cái	4
	Phòng Hóa Mỹ phẩm	Cái	7
	Phòng Vật lý Đo lường	Cái	2
	Phòng Dược lý Vi sinh	Cái	3
	Giám đốc	Cái	1
	Phòng phó GD (ThS. Dũng)	Cái	1

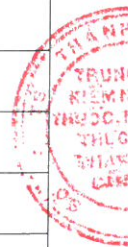
	NỘI DUNG	Đvt	Số lượng
2	Máy in Canon LBP 2900		3
	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Cái	1
	Phòng Dược lý -Vi sinh	Cái	2
3	Máy in Canon LBPb230dn		1
	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Cái	1
4	Máy in HP Laser M402dn		1
	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Cái	1
5	Máy hủy giấy HP W2010MC		1
	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Cái	1
6	Máy scan Canon Lide 220		1
	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Cái	1
III	HP Pavilion 15 NEW-p249TX Silver		5
	Phòng giao bao	Cái	2
	Giám đốc	Cái	1
	Phòng phó GD (ThS. Dũng)	Cái	1
	Kế toán (ThS. Như Ngọc)	Cái	1
IV	MÁY CHIẾU		
1	Máy chiếu Sony VPL-EW295		2
	Phòng HCQT - TCCB	Cái	2
2	Màn hình máy chiếu Sony VPL-EW295		1
	Kho	Cái	1
3	Máy chiếu Panasonic		1
	Hội trường	Cái	1
V	UPS Elen-A2 6KVA 6000VA/4200W	Cái	5
VI	Máy photocopy KONICA MINOLTA BIZHUB 554e	Cái	2
1	Phòng HCQT - TCCB	Cái	1
2	Phòng Photo lâu 2	Cái	1

ma2 myk

DANH MỤC TÀI SẢN ĐƠN VỊ - MÁY LẠNH

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 102 /TB-TTKN ngày 22 tháng 8 năm 2025
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ)

STT	NỘI DUNG	Đvt	Số lượng
	Tổng cộng		105
A	Phòng HCQT - TCCB		41
1	Văn phòng	Cái	2
2	Phòng xét nghiệm (phòng nước cất)	Cái	1
3	Phòng Y tế (tầng 1)/ Kho hóa chất chứa cồn (số 27)	Cái	1
4	Kho vật tư (số 19)	Cái	2
5	Kho hóa chất (số 20)	Cái	2
6	Kho điều hòa (số 23)	Cái	2
7	Phòng điều khiển Trung tâm	Cái	1
8	Kho văn phòng phẩm (số 28)	Cái	2
9	Phòng lưu mẫu Đông được (số 29)	Cái	1
10	Phòng lưu mẫu thực phẩm (số 30)	Cái	2
11	Phòng tiếp dân (số 32)	Cái	1
12	Phòng tạm trữ mẫu (số 33)	Cái	2
13	Phòng nghiệp vụ (số 34)	Cái	2
14	Phòng họp giao ban	Cái	2
15	Phòng số 16	Cái	2
16	Phòng Giám đốc	Cái	2
17	Phòng phó Giám đốc (ThS.Dũng)	Cái	1
18	Phòng phó Giám đốc (ThS.Liên Phương)	Cái	1
19	Phòng phó Giám đốc	Cái	1
20	Thư viện	Cái	2
21	Phòng TN tương đương sinh học 1	Cái	2
22	Phòng TN tương đương sinh học 2	Cái	1
23	Hội trường	Cái	4
24	Phòng Y tế (tầng 2)	Cái	1



[Handwritten signature]

STT	NỘI DUNG	Đvt	Số lượng
25	Phòng Lưu mẫu đông lạnh (tầng 2)	Cái	1
B	Phòng Kế hoạch - Tài chính		10
1	Văn phòng	Cái	2
2	Phòng nhận mẫu	Cái	1
3	Phòng kế toán	Cái	1
4	Kho lưu mẫu	Cái	2
5	Văn phòng + Thử nghiệm Dược lý (Lưu hồ sơ)	Cái	4
C	Phòng Hóa Mỹ phẩm		34
1	Văn phòng	Cái	2
2	Phòng Hóa 2	Cái	2
3	Phòng Hóa 1	Cái	1
4	Phòng kho lẻ	Cái	1
5	Phòng Rửa sấy dụng cụ	Cái	1
6	Phòng Rửa sấy	Cái	1
7	Phòng cách thủy đun và sấy	Cái	2
8	Phòng chất chuẩn	Cái	1
9	Phòng cân	Cái	1
10	Phòng mẫu chờ	Cái	1
11	Phòng 16	Cái	1
12	Phòng 17	Cái	1
13	Phòng 18	Cái	1
14	Phòng Trung tâm	Cái	5
15	Phòng Hóa - Mỹ phẩm 1 (Lầu 4)	Cái	2
16	Phòng Hóa - Mỹ phẩm 2 (Lầu 4)	Cái	2
17	VP Hóa - Mỹ phẩm (Lầu 4)	Cái	1
18	Phòng mẫu chờ (Lầu 4)	Cái	1
19	Phòng cân (Lầu 4)	Cái	1
20	Phòng chuẩn bị (Lầu 4)	Cái	1
21	Phòng 34 (Lầu 4)	Cái	1

STT	NỘI DUNG	Đvt	Số lượng
22	Phòng kho lẻ (Lầu 4)	Cái	1
23	Phòng Rửa sấy (Lầu 4)	Cái	1
24	Phòng 32 (Lầu 4)	Cái	2
D	Phòng Vật lý Đo lường		14
1	Văn phòng	Cái	1
2	Phòng cân	Cái	1
3	Phòng PTP (Cầm)	Cái	1
4	Phòng Sấy	Cái	1
5	Phòng Vật lý 2	Cái	2
6	Phòng IR	Cái	1
7	Phòng Vật lý 1	Cái	2
8	Phòng Rửa sấy dụng cụ	Cái	1
9	Phòng sinh viên	Cái	1
10	Phòng photo	Cái	1
11	Phòng Vật lý	Cái	2
E	Phòng Dược lý Vi sinh		6
1	Văn phòng	Cái	2
2	Phòng pha chế	Cái	1
3	Phòng Rửa dụng cụ	Cái	1
4	Phòng Tủ ẩm	Cái	1
3	Kho lẻ (kế phòng y tế)	Cái	1

mo2

DANH MỤC TÀI SẢN ĐƠN VỊ - GHẾ, BÀN TIẾP KHÁCH

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 102 /TB-TTKN ngày 11 tháng 8 năm 2025
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ)

STT	NỘI DUNG	Đvt	Số lượng
A	GHẾ XOAY ĐEN		248
I	Phòng HCQT - TCCB		88
1	Văn phòng		6
2	Phòng lưu mẫu thực phẩm (số 30)	Cái	67
3	Phòng xét nghiệm (phòng nước cất)	Cái	1
4	Phòng TN tương đương sinh học 1	Cái	7
5	Phòng Nghiệp vụ	Cái	1
6	Phòng Lưu mẫu đông lạnh (tầng 2)	Cái	2
7	Phòng Giám đốc	Cái	2
8	Phòng phó Giám đốc (ThS.Dũng)	Cái	1
9	Phòng phó Giám đốc (ThS.Liên Phương)	Cái	1
II	Phòng Kế hoạch - Tài chính		10
1	Văn phòng	Cái	4
2	Phòng nhận mẫu	Cái	4
3	Phòng kế toán	Cái	2
III	Phòng Hóa Mỹ phẩm		62
1	Văn phòng	Cái	10
2	Phòng Thí nghiệm	Cái	12
3	Lầu 4	Cái	40
IV	Phòng Vật lý Đo lường		76
1	Văn phòng	Cái	7
2	Phòng Hòa tan	Cái	7
3	Vật lý 1	Cái	19
4	Phòng IR	Cái	4
5	Vật lý 2	Cái	13
6	Phòng Cân	Cái	4



STT	NỘI DUNG	Đvt	Số lượng
7	Phòng PTP (Cầm)	Cái	2
8	Phòng trung tâm	Cái	12
9	Phòng Photo lâu 2	Cái	2
10	Phòng sinh viên	Cái	6
V	Phòng Dược lý Vi sinh		12
1	Văn phòng	Cái	10
2	Phòng Pha chế	Cái	1
3	Phòng Rửa dụng cụ	Cái	1
B	GHẾ GỖ		145
I	Phòng HCQT - TCCB		119
1	Văn phòng	Cái	1
2	Phòng Họp giao ban	Cái	41
3	Hội trường	Cái	77
II	Phòng Dược lý Vi sinh		26
1	Văn phòng	Cái	1
2	Phòng sinh viên	Cái	25
C	GHẾ GỖ (Cũ)		8
I	Phòng HCQT - TCCB		1
1	Phòng xét nghiệm (phòng nước cất)	Cái	1
I	Phòng Kế hoạch - Tài chính		6
1	Văn phòng	Cái	3
2	Phòng nhận mẫu	Cái	2
3	Phòng kế toán	Cái	1
II	Phòng Vật lý Đo lường		1
1	Văn phòng	Cái	1
D	BỘ SALON TIẾP KHÁCH		
I	Phòng HCQT - TCCB		5
	Văn phòng	Bộ	1
	Phòng Tiếp dân	Bộ	

STT	NỘI DUNG	Đvt	Số lượng
	- Bộ Salon tiếp khách		1
	- Bàn làm việc	Cái	1
	- Ghế đen	Cái	14
	Phòng Giám đốc	Bộ	1
	Phòng phó GD (ThS. Dũng)	Bộ	1
	Phòng phó GD	Bộ	1
II	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Bộ	1

Nguyễn Minh

DANH MỤC TÀI SẢN ĐƠN VỊ - THIẾT BỊ CHUYÊN MÔN

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 102 /TB-TTKN ngày 22 tháng 8 năm 2025
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ)

Mã thiết bị	NỘI DUNG	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Phòng để thiết bị sử dụng
I	PHÒNG HCQT-TCCB			
	* TS trên 500 triệu			
1	HT Panel điện năng lượng mặt trời	1	2016	
2	HT Mạng điện thoại Camera quan sát ngoại vi	1	2016	
3	Hệ thống xử lý nước R.O	1	2016	
4	Trạm Biến áp 560kVA	1	2016	
5	Máy cất nước 1 lần Thermo A1016-D (38L/H)	1	2014	Hư (Cất nước)
6	Máy cất nước 1 lần Thermo A1015-B-61 (38L/H)	1	2021	Cất nước
7	Máy cất nước 1 lần Thermo A1015-B-61 (38L/H)	1	2021	Cất nước
	TỒN KHO CHƯA SỬ DỤNG			
1	Cân phân tích 10 ⁻⁵ Satorius (Model: MSA225S-100-DU)	1		P.HC gửi P.VL bảo quản
II	PHÒNG HÓA MỸ PHẨM: (SL: 29)			
	* TS trên 500 triệu: (Số lượng: 08)			
1	Máy Sắc ký ghép khối phổ (GC/MS/MS)	1	2.016	Phòng 16
2	Máy quang phổ phát xạ nguyên tử	1	2014	Phòng 18
3	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC (Seri: L20155214286)	1	2016	Trung tâm
4	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC (Seri: L20155416185)	1	2016	Trung tâm
5	Máy phá mẫu bằng vi sóng	1	2016	Phòng 11
6	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	1	2013	Hư

Mã thiết bị	NỘI DUNG	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Phòng để thiết bị sử dụng
7	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC (Số seri: L20155416186)	1	2016	Trung tâm
8	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC(Seri: L20155416198)	1	2016	Trung tâm
	* TS dưới 500 triệu: (Số lượng: 21)			
1	Máy đo độ hòa tan	1		Hòa tan - Lý
2	Tủ vi khí hậu (Bộ ổn nhiệt)	1	2018	Phòng 4
3	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	1	2013	Trung tâm
4	Lò nung (Furnace)	1	2018	Phòng 11
5	Cân phân tích 10^{-4} (Số seri 0036003505)	1	2019	Phòng 11
6	Máy cắt quay chân không	1	2013	Phòng 4
7	Tủ sấy	1	2001	Phòng 11
8	Tủ ẩm	1	2016	Phòng 11
9	Máy ly tâm đa năng	1	2013	Phòng 4
10	Máy đo pH	1	2018	Phòng 11
11	Bể điều nhiệt	1	2018	Phòng 11
12	Máy lắc	1	2000	Phòng 4
13	Lò nung	1	1996	Phòng 11
14	Tủ lạnh	1	2024	Phòng 7
15	Đèn tử ngoại	1	1993	Phòng 11
16	Tủ mát	1	2013	Phòng 4
17	Máy khuấy từ	1	2004	Phòng 4
18	Cân phân tích AND HM-202	1	1997	Cân
19	Cân phân tích Precisa XB 220A	1	2001	Cân
20	Máy siêu âm hòa tan Elma S300		2011	Phòng 11
21	Máy đo độ dẫn điện	1	2016	Phòng 4
III	<u>PHÒNG VẬT LÝ ĐO LƯỜNG: (SL: 35)</u>			
	* TS trên 500 triệu: (Số lượng: 16)			

Mã thiết bị	NỘI DUNG	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Phòng để thiết bị sử dụng
1	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC (Số seri: L20155416179)	1	2016	Trung tâm
2	Máy sắc ký lỏng cao áp HPLC (Số seri: L20155214288)	1	2016	Trung tâm
3	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC (Số seri: L20155214189)	1	2016	Trung tâm
4	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC (Số seri: L20155214187)	1	2016	Trung tâm
5	Máy sắc ký lỏng cao áp HPLC	1	2015	Trung tâm
6	Máy sắc ký lỏng cao áp HPLC	1	2013	Trung tâm
7	Máy quang phổ hồng ngoại (IR)	1	2016	IR
8	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC	1	2011	Trung tâm
9	Máy thử độ rắn viên thực phẩm chức năng 2 vị trí tự động	1	2018	Hòa tan
10	Máy rửa sấy dụng cụ thí nghiệm (3)	1	Chưa sử dụng	Phòng rửa sấy dụng cụ
11	Máy đo độ hòa tan 14 vị trí	1	2013	Hòa tan
12	Máy đo độ hòa tan	1	2016	Hòa tan
13	Máy chuẩn độ điện thế tự động	1	2018	Vật lý 1
14	Máy đo phân cực tự động để bàn	1	2013	IR
15	Máy quang phổ hồng ngoại (IR)	1	2001	IR
16	Máy phân tích acid amin tự động	1	Chưa sử dụng	Trung tâm
	* TS dưới 500 triệu: (Số lượng: 19)			
1	Máy đo độ hòa tan Erweka DT800	1	2006	Hòa tan
2	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	1	2011	Trung tâm
3	Máy chuẩn độ Karl-fisher	1	2009	Vật lý 1
4	Cân phân tích 10^{-4} (Số seri 0036003507)	1	2018	Vật lý 1
5	Cân phân tích 10^{-5} bán vi lượng toàn thang (Số seri: 36001377)	1	2022	Vật lý 1
6	Cân phân tích 10^{-4} (Số Seri: 0036003506)	1	2023	Vật lý 1

Mã thiết bị	NỘI DUNG	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Phòng để thiết bị sử dụng
7	Máy thử độ tan rã Erweka DZT	1	1996	Hòa tan
8	Bộ quả cân chuẩn E2	1	2010	IR
9	Máy đo pH	1	2019	Vật lý 2
10	Bơm áp lực chân không	1	2009	Vật lý 2
11	Tủ sấy chân không	1	2001	Sấy
12	Bộ quả cân chuẩn F1	1	2010	Cân
13	Máy chuẩn độ điện thế	1	2009	Vật lý 1
14	Tủ sấy	1	2014	Sấy
15	Máy ch. độ điện thế tự động Karl-fisher	1	2018	Vật lý 1
16	Máy hút ẩm	1	2017	IR
17	Đèn tử ngoại CAMAG	1	2013	Sấy
18	Máy hút ẩm	1	2024	IR
19	Cân phân tích 10^{-4} (Số Seri: 0036003508)	1	2024	Phòng cân
IV	<u>PHÒNG DUỘC LÝ VI SINH: (SL: 32)</u>			
	<u>* TS trên 500 triệu: (Số lượng: 05)</u>			
1	Nồi hấp tiệt trùng Getinge VS130 (1)	1		Hư
2	Nồi hấp tiệt trùng Getinge VS130 (2)	1	Đang sử dụng	GHNK
3	Máy rửa sấy dụng cụ thí nghiệm (1)	1	Chưa sử dụng	GHNK
4	Máy rửa sấy dụng cụ thí nghiệm (2)	1	Chưa sử dụng	GHNK
5	Tủ âm sâu phòng thí nghiệm	1	Chưa sử dụng	TBVS
	<u>* TS dưới 500 triệu: (Số lượng: 27)</u>			
1	TB kiểm tra vô trùng bằng pp màng lọc (3 phễu)	1	2019	GHNK
2	Tủ nuôi cấy kỵ khí (CO2 incubator)	1	Chưa sử dụng	Phòng thiết bị
3	Tủ an toàn sinh học cấp II ESCO	1	2016	GHNK

Mã thiết bị	NỘI DUNG	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Phòng để thiết bị sử dụng
4	Nồi hấp tiệt trùng 50L HIRAYAMA	1	2016	Rửa sấy
5	Hệ thống thử nội độc tố	1	2018	TBVS
6	Tủ làm việc sạch Sanyo	1	1999	GHNK
7	Tủ âm lạnh IPP 110	1	2016	Phòng thiết bị
8	Tủ âm IN 110	1	Chưa SD	Phòng thiết bị
9	Tủ âm IN 110	1	Đang sử dụng	Phòng thiết bị
10	Tủ sấy UN55	1	2011	Pha chế
11	Kính hiển vi OLYMPUS CX31	1	2009	Phòng thiết bị
12	Bộ lọc vi khuẩn (1 phễu)	1	2009	GHNK
13	Cân phân tích Mettler 160	1	1987	Pha chế
14	Máy đếm khuẩn lạc	1	2016	Phòng thiết bị
15	Cân kỹ thuật Denver S-403	1	2009	GHNK
16	Cân phân tích Ohaus Pioneer TM	1	2009	Pha chế
17	Tủ âm BE 500	1	2003	Hư (chuyển kho HC)
18	Máy gia nhiệt & khuấy từ	1	2004	Pha chế
19	Nồi hấp tiệt trùng Tuttnauer 3170 ELV	1	2010	Hư (Rửa sấy)
20	Máy đo vòng vô khuẩn	1	2000	HLKS
21	Tủ âm INB 500	1	2009	HLKS
22	Cân đồng hồ lò xo	1	2009	Pha chế
23	Máy lắc	1	2006	GHNK
24	Máy lắc	1	2007	GHNK
25	Thiết bị soi độ trong	1	2013	HLKS
26	Máy hút âm	1	2025	GHNK
27	Máy nghiền dược liệu khô	2	2009	
V	<u>PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH:</u> <u>(SL: 01)</u>			

Mã thiết bị	NỘI DUNG	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Phòng để thiết bị sử dụng
	* TS dưới 500 triệu: (Số lượng: 01)			
1	Tủ lạnh Toshiba (GR-R21VPD/VUD)	1	2023	Kho lưu mẫu Thuốc, Mỹ phẩm

May Smith

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ:.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....
MÃ SỐ THUẾ:.....



BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số 102 /TB-TTKN ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ, chúng tôi báo giá cho **Dịch vụ bảo vệ** như sau:

1. Báo giá, cụ thể:

STT	Tên dịch vụ	Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Phí dịch vụ bảo vệ tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ	- Yêu cầu về nhân viên: Số lượng: tối thiểu 02 nhân viên bảo vệ chuyên nghiệp có kinh nghiệm, luân phiên trực 24/24 tại Trung tâm. - Yêu cầu cung ứng dịch vụ: + Trực bảo vệ 24/24 tại Trung tâm. + Đảm bảo an ninh trật tự cho trụ sở Trung tâm. + Đảm bảo an toàn cháy nổ, PCCC tại Trung tâm. + Đảm bảo an toàn tài sản của Trung tâm, viên chức, người	Năm	01		

		lao động và khách đến liên hệ công tác. + Kiểm soát về con người cũng như phương tiện ra vào Trung tâm. + Hướng dẫn khách đến liên hệ công tác, sắp xếp xe của viên chức, người lao động và khách hàng. + Thực hiện chăm sóc cây cảnh trong khuôn viên Trung tâm.				
					TỔNG CỘNG	
		Bảng chữ:.....				

2. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ tại số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ.

3. Thời gian thực hiện: 01 năm (bắt đầu từ ngày 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)

4. Giá trên đã bao gồm thuế VAT, phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có).

5. Báo giá này có hiệu lực: Kể từ ngày báo giá đến hết ngày **31/12/2026**.

6. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các tài sản nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm qui định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)